

**PHỤ LỤC 1**  
**TIÊU CHUẨN CẤP ỦY VIÊN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 285-KH/TU, ngày 05/5/2025 của Tỉnh ủy)*

-----

**1. Tiêu chuẩn chung**

Tiêu chuẩn cấp ủy viên các cấp cơ bản thực hiện theo Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị khoá XII; trong đó, nhấn mạnh một số tiêu chuẩn sau:

(1) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

(2) Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch; không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm",... Không để vợ hoặc chồng, con, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.

(3) Có năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; nói đi đôi với làm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có thành tích, kết quả công tác và "sản phẩm" cụ thể trong địa bàn, lĩnh vực công tác được giao.

(4) Có trình độ chuyên môn lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

(5) Cán bộ được giới thiệu để bầu tham gia cấp ủy, các chức vụ (*cao hơn*) lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (*gồm các tổ chức chính trị - xã hội*) phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 01 năm (*12 tháng*); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ, thì giao cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

(6) Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định của Đảng.

## **2. Tiêu chuẩn cụ thể**

(1) *Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý:* Thực hiện theo Quy định số 1384-QĐ/TU, ngày 08/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

(2) *Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy; bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường:* Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định cụ thể (hoàn thành trước 15/5/2025).

(3) *Tiêu chuẩn cấp ủy viên và các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp ủy cấp cơ sở:* Giao ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ vào tiêu chuẩn chung (nêu tại Mục 1) và các quy định có liên quan, có trách nhiệm quy định cụ thể cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

**PHỤ LỤC 2**

**ĐỘ TUỔI CẤP ỦY VIÊN NHIỆM KỲ 2025 - 2030**  
(Kèm theo Kế hoạch số 285-KH/TU, ngày 05/5/2025 của Tỉnh ủy)

-----

**1. Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy**

**1.1. Đối với cấp tỉnh:** Nam sinh từ **tháng 9/1968**, nữ sinh từ **tháng 5/1972** trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây).

**1.2. Đối với cấp trên trực tiếp cơ sở:** Nam sinh từ **tháng 6/1968**, nữ sinh từ **tháng 02/1972** trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây).

**1.3. Đối với đảng bộ các xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy:** Nam sinh từ **tháng 7/1968**, nữ sinh từ **tháng 3/1972** trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì phải sinh từ tháng 7/1970 trở lại đây).

Đối với trường công an cấp xã, thì phải còn thời gian công tác ít nhất 05 năm (60 tháng) theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

**1.4. Đối với cấp cơ sở:** Nam sinh từ **tháng 4/1968**, nữ sinh từ **tháng 01/1972** trở lại đây.

**2. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy**

**2.1. Đối với cấp tỉnh:** Nam sinh từ **tháng 9/1967**, nữ sinh từ **tháng 9/1971** trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9/1969 trở lại đây).

**2.2. Đối với cấp trên trực tiếp cơ sở:** Nam sinh từ **tháng 6/1967**, nữ sinh từ **tháng 6/1971** trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 6/1969 trở lại đây).

**2.3. Đối với đảng bộ các xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy:** Nam sinh từ **tháng 7/1967**, nữ sinh từ **tháng 7/1971** trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 7/1969 trở lại đây).

Đối với trường công an cấp xã, thì phải còn thời gian công tác ít nhất 48 tháng theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

**2.4. Đối với cấp cơ sở:** Nam sinh từ **tháng 4/1967**, nữ sinh từ **tháng 5/1971** trở lại đây.

**2.5. Đối với lực lượng vũ trang:** Độ tuổi tham gia cấp uỷ căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân (*sửa đổi, bổ sung năm 2024*). Các đồng chí tham gia cấp uỷ địa phương thực hiện theo quy định chung về độ tuổi tham gia cấp uỷ các cấp.

Các đồng chí tham gia cấp uỷ trong công an tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 48 tháng, trong quân đội, tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 30 tháng; trường hợp đặc biệt đối với công an còn tuổi công tác từ 30 tháng trở lên đến dưới 48 tháng, đối với quân đội còn tuổi công tác từ 12 tháng trở lên đến dưới 30 tháng phải là các đồng chí có năng lực, đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ, uy tín cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quyết định.

Độ tuổi cụ thể cấp uỷ viên ở các đảng bộ (*chi bộ*) trong quân đội, công an thực hiện theo hướng dẫn của Quân uỷ Trung ương và Đảng uỷ Công an Trung ương.

**2.6. Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp:** Các đồng chí bí thư là thủ trưởng trong đảng bộ (*chi bộ*) của cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (*gồm tổ chức chính trị - xã hội*), đơn vị sự nghiệp; bí thư hoặc phó bí thư là chủ tịch hội đồng thành viên (*hội đồng quản trị*), tổng giám đốc còn tuổi công tác từ 01 năm (*12 tháng*) trở lên, do cấp có thẩm quyền quyết định.

Giao ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ căn cứ quy định nêu trên hướng dẫn cụ thể độ tuổi tái cử cấp uỷ đối với cán bộ trong cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (*gồm tổ chức chính trị - xã hội*); đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc và các loại hình tổ chức khác theo phân cấp quản lý cán bộ và phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị.

### PHỤ LỤC 3

#### SỐ LƯỢNG CẤP ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030 (Kèm theo Kế hoạch số 285-KH/TU, ngày 05/5/2025 của Tỉnh ủy)

-----

### I. ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ

#### 1. Đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy

- Ban chấp hành: Từ 27 - 33 đồng chí; trong đó, đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 02 xã (*phường, thị trấn*) thì số lượng tối đa không quá 27; đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 03 xã (*phường, thị trấn*) trở lên thì số lượng tối đa không quá 33.

- Ban thường vụ: Từ 9 - 11 đồng chí. Định hướng cơ cấu, gồm: Bí thư, phó bí thư; chủ tịch hội đồng nhân dân (*bí thư hoặc phó bí thư thường trực kiêm nhiệm*), chủ tịch ủy ban nhân dân, 01 phó chủ tịch hội đồng nhân dân, 01 phó chủ tịch ủy ban nhân dân; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, trưởng ban xây dựng Đảng; chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và vị trí quan trọng cần cơ cấu ủy viên ban thường vụ phụ trách.

- Phó bí thư: 02 (*01 phó bí thư thường trực và 01 phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân*).

#### 2. Đối với 02 đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh

##### (1) Đảng bộ Các cơ quan Đảng tỉnh

- Ban chấp hành: Không quá 41.

- Ban thường vụ: Không quá 11.

Định hướng cơ cấu như sau: Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy là Bí thư Đảng ủy; 01 Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; 01 Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách (*có thể cơ cấu Tỉnh ủy viên*); 01 đồng chí trong Thường trực HĐND tỉnh; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; lựa chọn 04 trong 05 lãnh đạo cấp phó của các cơ quan, đơn vị: Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính, Mặt trận Tổ quốc (*trong đó cơ quan, đơn vị mà có đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữ chức Phó Bí thư Thường trực, thì không giới thiệu nhân sự tham gia Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy*).

- Phó Bí thư: 01 Phó Bí thư Thường trực và 01 Phó Bí thư chuyên trách.

##### (2) Đối với Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh

- Ban chấp hành: Không quá 41.

- Ban thường vụ: Không quá 11.

Định hướng cơ cấu như sau: Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh là Bí thư Đảng uỷ; Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh là Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; 01 - 02 Phó Bí thư Đảng uỷ chuyên trách (*có thể cơ cấu 01 đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh*) và một số đơn vị quan trọng cần tập trung sự lãnh đạo của cấp uỷ.

- Phó Bí thư: 01 Phó Bí thư Thường trực và 01 - 02 Phó Bí thư chuyên trách.

\* **Lưu ý:** Sau khi phân công, kiện toàn nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh uỷ nhiệm kỳ 2025 - 2030, thì Ban Thường vụ Tỉnh uỷ mới chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư nhiệm kỳ 2025 - 2030 của các đảng bộ nêu trên.

## **II. ĐẢNG BỘ CẤP CƠ SỞ**

### **1. Đối với các đảng bộ (chi bộ) cơ sở trực thuộc Đảng bộ các cơ quan Đảng và Đảng bộ UBND tỉnh**

- Ban chấp hành không quá 15 đồng chí.
- Ban thường vụ không quá 05 đồng chí.

Ban Thường vụ Đảng uỷ Các cơ quan Đảng và Đảng uỷ UBND tỉnh hướng dẫn cụ thể về cơ cấu, số lượng bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy định của Đảng và phù hợp với quy mô của tổ chức đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

### **2. Đối với các đảng bộ (chi bộ) cơ sở thuộc loại hình khác**

Số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ cơ bản thực hiện như ở nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Cơ cấu cấp uỷ do ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ căn cứ vào quy định chung và tình hình, đặc điểm cụ thể của địa phương, cơ quan, đơn vị để hướng dẫn cho phù hợp.

## **III. ĐẢNG BỘ THỰC HIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP**

Đối với những đảng bộ thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập (*gồm cả Đảng bộ Công an*) theo quy định, thì số lượng cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn số lượng nêu tại phụ lục này nhưng tối đa không quá tổng số lượng hiện có của các đảng bộ trước khi hợp nhất (*không bao gồm các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác*) và chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng phải thực hiện theo quy định nêu tại phụ lục này.

\* **Lưu ý:** Đối với đảng bộ cấp xã hợp nhất, sáp nhập, thì thực hiện theo quy định nêu tại Mục 1 Phần I nêu trên.

#### **IV. ĐẢNG BỘ QUÂN ĐỘI, CÔNG AN**

Đảng bộ Quân đội, Công an thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị.

**PHỤ LỤC 4**  
**QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ NHÂN SỰ CẤP ỦY THUỘC TỈNH ỦY**  
**NHIỆM KỲ 2025 – 2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 285-KH/TU, ngày 05/5/2025 của Tỉnh ủy)*

-----

**A. QUY TRÌNH NHÂN SỰ**

**I. QUY TRÌNH NHÂN SỰ ĐỐI VỚI CÁC ĐẢNG BỘ KHÔNG THỰC HIỆN VIỆC HỢP NHẤT, SÁP NHẬP**

Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đều thực hiện hợp nhất, sáp nhập nên thực hiện quy trình chỉ định nhân sự. Đối với cấp ủy cơ sở, giao ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy hướng dẫn cụ thể quy trình nhân sự đối với đảng bộ không thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập.

**II. QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH NHÂN SỰ TỪ NGUỒN TẠI CHỖ ĐỐI VỚI CÁC ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH ỦY SAU KHI HỢP NHẤT, SÁP NHẬP**

**(1) Bước 1. Xây dựng và thông qua đề án nhân sự cấp ủy khoá mới.**

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng theo quy định, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của đảng bộ sáp nhập nhiệm kỳ 2025 - 2030 và tình hình đội ngũ cán bộ; ban thường vụ đảng ủy *(sau khi hợp nhất, sáp nhập)* chỉ đạo xây dựng đề án nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, thông qua trước khi trình ban chấp hành đảng bộ thảo luận, biểu quyết thông qua theo quy định.

**(2) Bước 2. Hội nghị ban thường vụ cấp ủy**

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khoá mới được cấp có thẩm quyền thông qua và danh sách nguồn nhân sự; ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

*Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:* Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

**(3) Bước 3. Hội nghị ban chấp hành đảng bộ**

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

*Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:* Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

## B. DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình.
2. Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu (*kèm theo Biên bản kiểm phiếu ở các bước*).
3. Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*) do cá nhân tự khai (*đánh máy*) và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4 x 6, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.
4. Bản kiểm điểm 03 năm công tác gần nhất; có nhận xét, đánh giá của chi bộ và xác nhận của đảng uỷ cơ quan nơi cán bộ công tác.
5. Đánh giá, nhận xét 03 năm gần nhất của cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (*nếu có*). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
6. Nhận xét của chi uỷ nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.
7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (*có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định*).
9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (*có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ hoặc của cấp có thẩm quyền*).
10. Kết luận tình trạng sức khoẻ của cơ sở y tế có thẩm quyền.

Các cấp uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ chịu trách nhiệm chính trước Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trong việc nhận xét, đánh giá, đề xuất, giới thiệu, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự được giới thiệu và một số nội dung liên quan khác theo quy định.

\* **Lưu ý:** Các tài liệu nêu tại Mục 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 không quá 06 tháng tính đến thời điểm xem xét.